

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 119:2021/KVF

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH PHÂN BÓN HÀN – VIỆT**

Địa chỉ: Lô D10b, Đường D3, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3781 9281

Fax: (028) 3781 9280

Website: www.kvf.vn

CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 119:2021/KVF**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: **NPK LỘC PHÚ HƯNG 16-8-8+2Ca+1Mg+TE**

Loại phân bón: Phân bón hỗn hợp NPK

Đóng bao: Theo yêu cầu của thị trường

Mã số phân bón: 01254

Công ty TNHH Phân bón Hàn – Việt cam kết sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

TP.HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC





TCCS 119:2021/KVF

Lần soát xét: 03

NPK LỘC PHÚ HÙNG 16-8-8+2Ca+1Mg+TE

CÔNG TY TNHH PHÂN BÓN HÀN – VIỆT

📍: Lô D10b, Đường D3, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh
☎: (028) 3781 9281 📠: (028) 3781 9280 🌐: www.kvf.vn



MỤC LỤC

1. Phạm vi áp dụng	5
2. Tài liệu tham khảo	5
3. Yêu cầu kỹ thuật	5
3.1. Yêu cầu về ngoại quan.....	5
3.2. Yêu cầu về an toàn, vệ sinh, sức khỏe, môi trường.....	5
3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng/kỹ thuật	5
3.4. Công dụng.....	6
3.5. Hướng dẫn sử dụng.....	6
3.6. Phương thức sử dụng	6
3.7. Nhãn hàng hóa	7
3.7.1. Bao bì.....	7
3.7.2. Thông tin bao bì.....	7
3.8. Vận chuyển	7
3.9. Bảo quản	7
3.10. Ngày sản xuất và hạn sử dụng	7
3.11. Đơn vị sản xuất	7



LỜI MỞ ĐẦU

TCCS 119:2021/KVF được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo thông tư số: 11/2021/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xây dựng và áp dụng Tiêu chuẩn, Quyết định số: 617/QĐ-BVTV-PB ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Cục Bảo vệ Thực vật về việc công nhận lưu hành tại Việt Nam.

TCCS 119:2021/KVF được soát xét lại từ TCCS 119:2021/KVF ban hành ngày 04 tháng 05 năm 2021.

TCCS 119:2021/KVF được Công ty TNHH Phân Bón Hàn – Việt công bố tại Quyết định số: /QĐ-KVF ngày / /



1. Phạm vi áp dụng

- Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm NPK LỘC PHÚ HÙNG 16-8-8+2Ca+1Mg+TE, mã số phân bón 01254, với thương hiệu “High tech Hàn-nông sản Việt” do Công ty TNHH Phân bón Hàn – Việt nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh.

2. Tài liệu tham khảo

- Luật Trồng trọt số 31/2028/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc Hội quy định về hoạt động trồng trọt.
- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 và Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Thông tư số 11/2021/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chi tiết xây dựng và áp dụng Tiêu chuẩn.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01-189: 2019/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón.
- Quyết định số: 617/QĐ-BVTV-PB ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Cục Bảo vệ Thực vật về việc công nhận lưu hành tại Việt Nam.

3. Yêu cầu kỹ thuật

3.1. Yêu cầu về ngoại quan

- Hình dạng: Có dạng hạt tròn, rắn, màu đặc trưng, v.v...

3.2. Yêu cầu về an toàn, vệ sinh, sức khỏe, môi trường

- Không nguy hiểm khi tiếp xúc;
- Không ăn được.

3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng/kỹ thuật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1	Hàm lượng Nito tổng số (Nts)	%	16	TCVN 5815:2018

2	Hàm lượng P ₂ O ₅ hữu hiệu (P ₂ O _{5hh})	%	8	TCVN 5815:2018
3	Hàm lượng K ₂ O hữu hiệu (K ₂ O _{hh})	%	8	TCVN 8560:2018
4	Hàm lượng Ca	%	2	TCVN 9296:2012
5	Hàm lượng Mg	%	1	TCVN 9285:2018
6	Hàm lượng B	ppm	50	TCVN 13263-8:2020
7	Hàm lượng Molipden	ppm	50	TCVN 9283:2018
8	Hàm lượng Zn	ppm	100	TCVN 9289:2012
9	Hàm lượng Mn	ppm	50	TCVN 9288:2012
10	Hàm lượng Cu	ppm	50	TCVN 9286:2018
11	Độ ẩm	%	5	TCVN 5815:2018

3.4. Công dụng

- Giúp cây trồng khỏe mạnh, tăng cường sức đề kháng;
- Tăng năng suất chất lượng nông sản.

3.5. Hướng dẫn sử dụng

1. Cây lương thực (lúa, ngô, sắn): 400-700 kg/ha.
 - Cây lúa: 6-8 kg/sào 360 m²/đợt. Bón thúc khi đẻ nhánh, đón đòng.
 - Cây ngô: 10-12 kg/sào 360 m²/đợt. Bón khi cây được 3 – 5 lá, khi cây được 7 – 9 lá.
2. Cây rau màu (su hào, bắp cải, cải xanh, cải bẹ, cà rốt, súp lơ): 15 – 18 kg/sào 360 m². Bón thúc sau trồng 7 – 10 ngày, 20 – 25 ngày.
3. Cây mía: 12 – 18 kg/sào 360 m². Bón khi cây vươn lóng.
4. Cây công nghiệp (chè, cà phê, tiêu, cao su): 1.200 – 1.500 kg/ha. Bón thời kỳ phát tán, ra hoa và nuôi quả nhỏ.
 - Cà phê, tiêu, cao su: 2 – 4 kg/gốc
 - Chè: 15 – 20 kg/sào/đợt (360 m²). Bón vào sau mỗi lần hái.
5. Cây ăn quả (nhãn, vải, cam, bưởi, na): 0,5 – 1,5 kg/gốc/đợt. Bón trước lúc ra hoa và sau khi thu hoạch.

3.6. Phương thức sử dụng

- Bón rải, dạng hạt.

3.7. Nhãn hàng hóa

3.7.1. Bao bì

- Sản phẩm phân bón NPK LỘC PHÚ HÙNG được đóng bao bằng bao bì 02 lớp: 1 lớp PP bên ngoài và 1 lớp PE bên trong, đảm bảo giữ được độ ẩm và chịu lực, không rách vỡ khi bốc xếp, vận chuyển;
- Khối lượng tịnh: Theo quy cách đóng bao thực tế.

3.7.2. Thông tin bao bì

- Tham chiếu nội dung và hình ảnh thiết kế bao bì như đính kèm

3.8. Vận chuyển

- Lót sàn tàu, xe: sạch sẽ, khô ráo và được che mưa nắng;
- Không dùng móc trong quá trình bốc dỡ sản phẩm.

3.9. Bảo quản

- Không dùng móc
- Bảo quản nơi khô ráo

3.10. Ngày sản xuất và hạn sử dụng

- Hạn sử dụng (HSD): 36 tháng kể từ ngày sản xuất
- Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

3.11. Đơn vị sản xuất

- Tên tổ chức sản xuất: Công ty TNHH PHÂN BÓN HÀN – VIỆT
- Địa chỉ: Lô D10b, Đường D3, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh